TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 07/02/2020.
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Đỗ Ngọc Cận.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn**:*** **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lâm Ngọc T**, sinh năm 1966 - Chức vụ trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L (theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2019 - có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn L, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Trương Minh C,** (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 116, đường P, khóm B, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2019 của nguyên đơn Ngân hàng N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Ngọc T trình bày:

Ngày 31 tháng 10 năm 2014 ông Trương Minh C và Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L ký hợp đồng tín dụng số LAV 201402134, số tiền cho vay 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn: tiêu dùng. Cho vay tín chấp và được bảo đảm bằng sổ bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 thông qua hợp đồng ủy quyền, nguồn trả nợ vay từ tiền lương lĩnh hàng tháng. Tính đến 07/02/2020 ông Trương Minh C còn nợ Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L tổng số tiền: 65.323.333 đồng (trong đó nợ vốn gốc là 51.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.585.833 và tiền lãi quá hạn là 7.737.500 đồng).

Mặc dù Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L đã tạo điều kiện, động viên tự tìm nguồn khác trả nợ nhưng ông Trương Minh C vẫn không thực hiện đúng như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Theo đơn khởi kiện phía nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trương Minh C hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng N tổng số tiền 59.016.667 đồng, trong đó nợ gốc 51.000.000 đồng, nợ lãi vay tạm tính đến 28/02/2019 là 8.016.667 đồng và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc.

- Trường hợp không trả được nợ, yêu cầu xử lý tài sản là quyền được hưởng bảo hiểm theo số bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 do ông Trương Minh C ủy quyền cho Ngân hàng N là người thụ hưởng đầu tiên để trả nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý sổ bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 không trả hết nợ đề nghị tiếp tục xử lý một phần tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trương Minh C là căn nhà số 116, đường P, phường M, thành phố S theo qui định pháp luật để trả hết nợ gốc, lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc cho Ngân hàng N và trả mọi khoản phí thi hành án.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản là quyền được hưởng bảo hiểm theo số bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 do ông Trương Minh C ủy quyền cho Ngân hàng N là người thụ hưởng đầu tiên để trả nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý sổ bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 không trả hết nợ đề nghị tiếp tục xử lý một phần tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trương Minh C là căn nhà số 116, đường P, phường M, thành phố S theo qui định pháp luật để trả hết nợ gốc, lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc cho Ngân hàng N và trả mọi khoản phí thi hành án.

Nay phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ông Trương Minh C phải trả nợ vay cho Ngân hàng N số tiền vốn vay còn nợ là 51.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 07/02/2020 là 14.323.333 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 65.323.333 đồng.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là ông Trương Minh Cđã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Trương Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Châu.

[2]. Tại phiên Tòa phía nguyên đơn thay đổi rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể rút lại các yêu cầu sau: Yêu cầu xử lý tài sản là quyền được hưởng bảo hiểm theo số bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 do ông Trương Minh C ủy quyền cho Ngân hàng N là người thụ hưởng đầu tiên để trả nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý sổ bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 không trả hết nợ đề nghị tiếp tục xử lý một phần tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trương Minh C là căn nhà số 116, đường P, phường M, thành phố S theo qui định pháp luật để trả hết nợ gốc, lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc cho Ngân hàng Nvà trả mọi khoản phí thi hành án.

Việc nguyên đơn thay đổi rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số LAV 201402134/HĐTD ngày 31/10/2014: Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L ký kết hợp đồng tín dụng với ông Trương Minh C. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng

lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn là 51.000.000 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng số LAV 201402134/HĐTD ngày 31/10/2014 thì phía Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L với ông Trương Minh C thỏa thuận số tiền ông C vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 31/10/2014, phương thức giải ngân là một lần, kỳ hạn trả nợ theo định kỳ hàng tháng, trả lãi đến ngày 25 hàng tháng. Theo hợp đồng tín dụng trên thì phía ngân hàng đã giải ngân cho ông C nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình vay vốn ông C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn theo hợp đồng đã ký, ông C chỉ trả được số tiền vốn là 49.000.000 đồng và còn nợ lại 51.000.000 đồng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên phía Ngân hàng yêu cầu buộc ông C phải trả lại toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Trương Minh C trả số tiền lãi tính đến ngày 07/02/2020 là 14.323.333 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng số LAV 201402134/HĐTD ngày 31/10/2014 các bên thỏa thuận về lãi suất cũng như nghĩa vụ trả lãi suất khi vay vốn. Trong quá trình vay vốn ông C không trả tiền lãi theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký. Nên phía Ngân hàng yêu cầu trả lãi tính đến ngày 07/02/2020 là 14.323.333 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Do bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không có nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ khẳng định : Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 07/02/2020 là: 65.323.333 đồng (trong đó tiền vốn 51.000.000 đồng, tiền lãi 14.323.333 đồng).

[7]. Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 08/02/2020 đến khi ông Ctrả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm : Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn ông Trương Minh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn ông Trương Minh C trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền vốn vay còn nợ là 51.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 07/02/2020 là 14.323.333 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 65.323.333 đồng.

Kể từ ngày 08/02/2020 bị đơn ông Trương Minh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LAV 201402134/HĐTD ngày 31/10/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản là quyền được hưởng bảo hiểm theo số bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 do ông Trương Minh C ủy quyền cho Ngân hàng N là người thụ hưởng đầu tiên để trả nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp xử lý sổ bảo hiểm xã hội số 5896 012 776 không trả hết nợ đề nghị tiếp tục xử lý một phần tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trương Minh C là căn nhà số 116, đường P, phường M, thành phố S theo qui định pháp luật để trả hết nợ gốc, lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc cho Ngân hàng N và trả mọi khoản phí thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.266.166 đồng.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.475.400 đồng theo biên lai số 0007327 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Cận **Huỳnh Phước** **Nguyễn Quốc Định**